

Số: 454/2019/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 149, 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;  
Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;  
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình.

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 635/2019/TLST - HNGĐ ngày 13/8/2019 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, giữa:

Người yêu cầu:

- **Chị Nguyễn Thị N**, sinh năm 1985

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: số 72 phố V, phường L, quận Đ, thành phố H.

- **Anh Trần Minh Q**, sinh năm 1982

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: số 72 phố V, phường L, quận Đ, thành phố H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 08 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Minh Q.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Minh Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/02/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện P, tỉnh N. Nay chị Nguyễn Thị N và anh Trần Minh Q cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận anh chị thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** chị Nguyễn Thị N và anh Trần Minh Q có 01 con chung là cháu Trần Minh Q (giới tính nam), sinh ngày 08/6/2007. Ly hôn, ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận của chị N và anh Q như sau: Giao cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh Q. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q cho đến khi chị N có yêu cầu hoặc cho đến khi có Quyết định khác của cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền thay thế.

Anh Trần Minh Q có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung** (động sản và bất động sản): Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Minh Q xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- **Về nợ:** Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Minh Q xác nhận không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- **Về lệ phí:** Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị N và anh Trần Minh Q để chị Nguyễn Thị N tự nguyện nộp cả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng chị N đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009035 ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhân:**

- Đương sự;
- VKSND quận Đống Đa;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Bích Hạnh**